

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2026/DS-ST

Ngày: 27 -8 - 2026

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và ông Phạm Đức Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2006 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tiểu Đ**, sinh năm 2001

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1982 và ông **Lê Tấn Đ1**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp X, xã T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tiểu Đ trình bày:

Vào ngày 23/10/2024 bà L và ông Đ1 hỏi vay của chị Đ 60.000.000 đồng, ngày 19/12/2024 tiếp tục hỏi vay 40.000.000 đồng và 01 bộ vòng vàng 18kara (12 chiếc), đến ngày 16/01/2025 bà L và ông Đ1 hỏi hỏi vay thêm 50.000.000 đồng. Sau đó vợ chồng bà L và ông Đ1 đã trả được 20.000.000

đồng.

Khi vay tiền, vàng vợ chồng bà L và ông Đ1 thoả thuận trả lãi 6%/tháng và chỉ vay trong thời gian vài tháng. Bà L và ông Đ1 đóng lãi đến tháng 02 năm 2025 thì ngưng đóng và chỉ hứa hẹn trả nợ và đến nay trốn tránh trách nhiệm trả nợ.

Như vậy, hiện nay vợ chồng bà L và ông Đ1 còn nợ của bà Đ 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và 01 bộ vòng vàng 18kara tương ứng 1,1 cây vàng 18kara. Trong nội dung khởi kiện bà Đ yêu cầu bà L và ông Đ1 phải liên đới hoàn trả số tiền nợ là 130.000.000 đồng và 01 bộ vòng vàng 18kara tương ứng 1,1 cây vàng 18kara.

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Đ yêu cầu vợ chồng bà L và ông Đ1 hoàn trả số nợ là 130.000.000 đồng và 1,1 cây vàng 18kara, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Ngày 23/7/2026 và tại phiên tòa hôm nay chị Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu vợ chồng bà L và ông Đ1 trả 01 bộ vòng vàng 18kara tương ứng 1,1 cây vàng 18kara và chỉ yêu cầu vợ chồng bà L và ông Đ1 phải trả số tiền nợ là 130.000.000 đồng.

Về tiền lãi theo thoả thuận và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền chị Đ không có yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, các bị đơn đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không có yêu cầu phản tố, không có văn bản trình bày hay phản đối nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Không có.

Nội dung không thống nhất: Nguyên đơn tiếp tục yêu cầu vợ chồng bà L và ông Đ1 trả số nợ 130.000.000 đồng. Không yêu cầu trả lãi theo thoả thuận và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Nguyên đơn cung cấp 01 tờ giấy có nội dung xác nhận nợ của của các bị đơn. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các bị đơn vắng mặt đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã Tân Thạnh, tỉnh An Giang, căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang và quan hệ pháp luật có tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Sự vắng mặt của các bị đơn tại phiên tòa: Bà L và ông Đ1 được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, phiên tòa xét xử vắng mặt các bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung đòi trả nợ 1,1 cây vàng 18 kara. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đ đối với nội dung yêu cầu cầu vợ chồng bà L và ông Đ1 trả nợ 1,2 cây vàng 18kara.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung khởi kiện của chị Đ yêu cầu bà L và ông Đ1 trả số nợ vay 130.000.000 đồng đã được Tòa án thể hiện trong Thông báo thụ lý vụ án và đã được tổng đạt hợp lệ cho các bị đơn, tuy nhiên bà L và ông Đ1 không có ý kiến phản đối nội dung khởi kiện của nguyên đơn đồng thời không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã thực hiện trả nợ. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật

tổ tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình khởi kiện chị Đầm đã cung cấp chứng cứ chứng minh nghĩa vụ trả nợ của bà L và ông Đ1 là một tờ giấy xác nhận có nội dung bà L và ông Đ1 xác nhận vào các ngày 23/10/2024, ngày 19/12/2024 và ngày 16/01/2025 bà L và ông Đ1 hỏi vay của chị Đ số tiền tổng cộng là (60.000.000 đồng + 40.000.000 đồng + 50.000.000 đồng = 150.000.000 đồng). Trong giấy xác nhận nợ thể hiện có chữ ký xác nhận nợ của bà L và ông Đ1. Quá trình giải quyết vụ án bà L và ông Đ1 không có ý kiến phản đối chứng cứ này. Xét thấy, mặc dù trong giấy xác nhận nợ không thể hiện về thời gian thanh toán nợ, tuy nhiên chị Đầm cho rằng đã nhiều lần liên hệ đòi nợ nhưng vợ chồng bà L và ông Đ1 trốn tránh trách nhiệm trả nợ và kể từ ngày Toà án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu đòi nợ của chị Đ nhưng các bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thực hiện việc trả nợ. Từ đó có cơ sở để xác định các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào các Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự cần buộc bà L và ông Đ1 có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Đ số tiền vay còn nợ là 130.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ xác định các bị đơn đã thực hiện trả lãi theo thỏa thuận đến tháng 02 năm 2025 tuy nhiên các bị đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả cho chị Đ nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về lãi suất nợ vay theo thỏa thuận chị Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đ đối với nội dung yêu cầu vợ chồng bà L và ông Đ1 trả 01 bộ vòng vàng 18kara trọng lượng 1,1 cây vàng 18kara do chị Đ rút yêu cầu.

[3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tại phiên tòa chị Đ không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 - An Giang tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[6] Về án phí của vụ án: Án phí của số tiền có nghĩa vụ thanh toán là [130.000.000 đồng x 5% = 6.500.000 đồng]. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc các bị đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật là 6.500.000 đồng. Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.388.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tiểu Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Tấn Đ1 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Tiểu Đ số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Chị Nguyễn Thị Tiểu Đ không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Tấn Đ1 có nghĩa vụ nộp tiền án phí theo quy định là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Tiểu Đ số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 6.388.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 307168 ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 27/8/2026. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 8 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự"/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV7- An Giang;
- Phòng THADSKV7;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSDS.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thơm